

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 10 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH NAI

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Tạ Thị Ngọc Ánh	1	52	7.5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Văn Bằng	2	06	7.0	Bảy	
3	Hà Thị Bích	3	05	7.0	Bảy	
4	Đặng Thị Ngọc Châu	4	21	7.5	Bảy rưỡi	
5	Đào Văn Chung	5	20	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Văn Côn	6	51	7.0	Bảy	
7	Ma Xuân Diệp	7	19	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Thị Dịu	8	50	8.0	Tám	
9	Hà Thị Kim Dung	9	30	7.5	Bảy rưỡi	
10	Hoàng Thị Kim Dung	10	04	7.5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Thanh Dung	11	29	8.0	Tám	
12	Lèng Hải Dương	12	28	7.0	Bảy	
13	Trần Hải Dương	13	49	7.0	Bảy	
14	Lê Quốc Đạt	14	27	7.0	Bảy	
15	Phạm Hồng Điệp	15	26	7.5	Bảy rưỡi	
16	Vũ Quốc Đoàn	16	25	7.0	Bảy	
17	Hà Thủ Đô	17	36	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hoàng Minh Giám	18	60	7.0	Bảy	
19	Hoàng Minh Giang	19	59	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Văn Giới	20	58	7.0	Bảy	
21	Lương Thanh Hà	21	03	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Lê Thị Hảo	22	35	8.0	Tám	
23	Lê Văn Hiến	23	34	7.0	Bảy	
24	Hoàng Thị Hiếu	24	57	7.5	Bảy rưỡi	
25	Ma Đình Hiếu	25	33	7.0	Bảy	
26	Hoàng Văn Hồ	26	56	7.0	Bảy	
27	Đinh Thị Phương Hoa	27	02	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Hoàng Thanh Hoa	28	32	8.0	Tám	
29	Ma Khánh Hoà	29	01	7.0	Bảy	
30	Hà Văn Hòa	30	55	7.0	Bảy	
31	Đặng Văn Hoàng	31	12	8.0	Tám	
32	Ma Khánh Hoàng	32	31	7.0	Bảy	
33	Lê Văn Hoàng	33	11	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đoàn Quang Huân	34	10	8.0	Tám	
35	Hoàng Thị Huệ	35	09	8.0	Tám	
36	Phan Mạnh Hùng	36	66	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nông Thế Hưng	37	08	7.5	Bảy rưỡi	
38	Luân Thị Hương	38	07	7.5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Thanh Hương	39	42	7.0	Bảy	
40	Ma Thị Hương	40	65	7.0	Bảy	
41	Lương Đình Hưởng	41	18	7.0	Bảy	
42	Trần Quang Huy	42	41	6.5	Sáu rưỡi	
43	Ứng Trung Kiên	43	63	7.0	Bảy	
44	Ma Văn Khoai	44	62	7.0	Bảy	
45	Hoàng Thị Bích Khuyên	45	61	7.5	Bảy rưỡi	
46	Đặng Văn Ký	46	40	7.0	Bảy	
47	Trịnh Tiến Lam	47	64	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Văn Lãng	48	17	7.0	Bảy	
49	Lê Thị Hồng Lê	49	72	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nông Đức Linh	50	71	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
51	Nguyễn Thị Loan	51	70	7.5	Bảy rưỡi	
52	Hoàng Văn Lộc	52	69	8.0	Tám	
53	Hoàng Thị Mai	53	68	8.0	Tám	
54	Nguyễn Công Mạnh	54	39	7.0	Bảy	
55	Lê Thị Minh	55	67	7.5	Bảy rưỡi	
56	Hoàng Thị Mới	56	16	8.0	Tám	
57	La Thị Na	57	85	8.0	Tám	
58	Nông Văn Nam	58	38	7.0	Bảy	
59	Vũ Thị Năm	59	15	8.0	Tám	
60	Nguyễn Thị Thanh Nga	60	37	7.0	Bảy	
61	Nguyễn Quỳnh Nga	61	78	7.0	Bảy	
62	Dương Bảo Ngọc	62	77	6.5	Sáu rưỡi	
63	Thạch Thanh Ngọc	63	48	7.5	Bảy rưỡi	
64	Hoàng Thị Nguyệt	64	76	8.0	Tám	
65	Lương Văn Nhân	65	75	7.0	Bảy	
66	Nông Thị Hoàng Nhung	66	74	7.5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Thị Niềm	67	73	7.0	Bảy	
68	Chu Thanh Phong	68	84	7.0	Bảy	
69	Lương Hoàng Phúc	69	47	8.0	Tám	
70	Nguyễn Trọng Quân	70	46	7.0	Bảy	
71	Trần Văn Soát	71	14	7.0	Bảy	
72	Lê Văn Sông	72	13	7.5	Bảy rưỡi	
73	Hà Thị Thắm	73	83	8.0	Tám	
74	Triệu Văn Thắng	74	82	7.0	Bảy	
75	Chu Văn Thành	75	45	7.0	Bảy	
76	Phan Mạnh Thìn	76	81	7.0	Bảy	
77	Hà Thị Thuỳ	77	24	8.0	Tám	
78	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	78	80	7.0	Bảy	
79	Lường Thu Trà	79	79	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
80	Nông Thị Hương Trà	80	44	7.0	Bảy	
81	Hoàng Minh Trang	81	91	7.5	Bảy rưỡi	
82	Triệu Văn Trình	82	43	7.0	Bảy	
83	Ma Đình Trọng	83	86	7.5	Bảy rưỡi	
84	Nguyễn Anh Tuấn	84	23	7.0	Bảy	
85	Bê Văn Tuyên	85	90	7.5	Bảy rưỡi	
86	Lương Bích Vân	86	89	7.0	Bảy	
87	Đặng Quốc Vinh	87	54	7.0	Bảy	
88	Nông Quốc Vo	88	88	7.0	Bảy	
89	Nông Thị Vui	89	22	7.5	Bảy rưỡi	
90	Hoàng Thị Xoan	90	53	7.5	Bảy rưỡi	
91	Nguyễn Thị Hoàng Yến	91	87	7.0	Bảy	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**KT/ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên